

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Tài;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Ánh N, sinh năm 1986; địa chỉ: số A, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1985; địa chỉ: số B, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Ánh N trình bày, thông qua mai mối và tìm hiểu, bà N và ông Phạm Văn K kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang ngày 30/8/2019. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có một con chung tên Phạm Phúc H, sinh ngày 05/01/2021. Hiện tại, con chung đang được bà N nuôi dưỡng. Về tài sản chung, vợ chồng có 19 chỉ vàng 24kara loại 9999 do bà Bùi Thị T đang giữ và 01 tủ cưới bằng gỗ thao lao trị giá 10.000.000 đồng do ông K quản lý.

Sau thời gian chung sống được 01 năm thì vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Phúc H, sinh ngày 05/01/2021, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên có khả năng lao động; yêu cầu chia 19 chỉ vàng 24 kara loại 9999 và nhận lại tủ cưới bằng gỗ thao lao; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vào ngày 10/3/2022, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 30/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp đối với bà Trương Ánh N và ông Phạm Văn K (bản sao); Bản sao giấy khai sinh số 08, ngày 20/01/2021 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp đối với Phạm Phúc H.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn K trình bày, thống nhất với trình bày của bà N về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung và người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, sau 01 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay.

Về tài sản chung, vợ chồng có 19 chỉ vàng 24 kara, loại 9999. Trước đây, ông K, bà N có gửi bà Bùi Thị T giữ giúp số vàng này. Vào khoảng 7/2020, bà T đã giao lại số vàng này cho ông K, không có mặt bà N nhưng sau đó, ông K có nói lại cho bà N biết. Sau khi bàn với bà N bán số vàng này để làm ăn, ông K đã bán 19 chỉ vàng 24 kara được số tiền 91.000.000 đồng. Ông K dùng số tiền này mua bán xoài trái nhưng bị thua lỗ hết số tiền này. Do ông K đã nhận lại số vàng đã gửi cho bà T nên vụ án không còn liên quan đến bà T. Tủ cưới bằng gỗ thao lao, trị giá 10.000.000 đồng, đang do ông K quản lý.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông K đồng ý ly hôn với bà N; đồng ý để bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung, không đồng ý yêu cầu chia 19 chỉ vàng 24 kara, loại

9999; đồng ý cho bà N nhận lại tử cưới bằng gỗ thao lao. Về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày, vào cuối tháng 02/2020, bà N, ông K có gửi bà T 19 chỉ vàng 24kara, loại 9999. Đến khoảng tháng 7/2020, bà T giao lại cho ông K toàn bộ số vàng này, không có mặt bà N do bà N ở nhà cha, mẹ ruột của bà N. Số vàng trên ông K đi bán và sử dụng mua bán xoài trái nhưng bị thua lỗ toàn bộ. Do đó, bà T không còn nghĩa vụ đối với số vàng mà bà N tranh chấp.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Về yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông K; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 750.000 đồng kể từ ngày 01/5/2022 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung; rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; chấp nhận ý kiến của nguyên đơn về việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông K kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông K hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông K. Ông K đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N với ông K theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, bà N, ông K thống nhất, giao cháu H cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động. Sự tự nguyện thỏa thuận của bà N, ông K không trái quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản chung, do bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với 19 chỉ vàng 24 kara, loại 9999 và 01 tủ bằng gỗ thao lao nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút. Về nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông K; bà N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn K. Đồng thời, ông K cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N, ông K cùng khai, sau thời gian chung sống 01 năm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà N, ông K không còn sống chung từ tháng 3/2021 cho đến nay và thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thống nhất thuận tình ly hôn của bà N và ông K phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông K theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N, ông K cùng xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phạm Phúc H, sinh ngày 05/01/2021. Bà N, ông K thống nhất để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng, kể từ ngày 01/5/2022 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động.

Xét thấy, sự thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa bà N và ông K phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thống nhất của bà N, ông K về việc bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; ông K cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi tháng 750.000 đồng, kể từ ngày 01/5/2022 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung, theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu chia 19 chỉ vàng 24 kara, loại 9999 và nhận lại tủ cưới bằng gỗ thao lao. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung, bà N, ông K xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ánh N về yêu cầu chia tài sản chung đối với 19 chỉ vàng 24 kara loại 9999 và nhận lại 01 tủ bằng gỗ thao lao.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ánh N.

2.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Ánh N và ông Phạm Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 30/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp đối với bà Trương Ánh N và ông Phạm Văn K không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung:

- Bà Trương Ánh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Phúc H, sinh ngày 05/01/2021.

- Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy cháu Phạm Phúc H mỗi tháng 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H thành niên, có khả năng lao động.

Bà Trương Ánh N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Ánh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 (*một triệu, sáu trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010096 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022; bà Trương Ánh N được nhận lại phần chênh lệch 1.300.000 (*một triệu, ba trăm nghìn*) đồng.

Ông Phạm Văn K phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với nghĩa vụ cấp dưỡng).

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trương Ánh N, ông Phạm Văn K, bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình